

# **DẤU ẤN VÙNG ĐẤT MINH HÓA TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH**

**TS. NGUYỄN ĐỨC LÝ**

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Phong trào Cần Vương trên địa bàn Quảng Bình cuối thế kỷ XIX là phong trào dân tộc, phong trào yêu nước chống chủ nghĩa thực dân xâm lược kết hợp chống triều đình phong kiến đầu hàng diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Tuy chỉ tồn tại trong thời gian ngắn (10/1885 - 10/1888) nhưng là trang sử hào hùng mở đầu cho cuộc kháng chiến suốt hơn một thế kỷ của nhân dân cả nước, đặc biệt là sự hy sinh tính mạng, xương máu của biết bao văn thân, sĩ phu, tướng lĩnh và nhân dân Quảng Bình để xả thân giúp vua, cứu nước, bảo vệ Sơn triều. Điều đó đã dẫn đến sự phát triển rầm rộ, sôi nổi của phong trào Cần Vương ủng hộ vua Hàm Nghi và Sơn triều kháng Pháp trên đất Quảng Bình, biến Quảng Bình thành “Kinh đô kháng chiến” thời vua Hàm Nghi xuất bôn.

Nhân Hội thảo khoa học "Minh Hóa với phong trào Cần Vương" do UBND huyện Minh Hóa và Sở Khoa học và Công nghệ đồng tổ chức, bài viết này không nằm ngoài mục đích giới thiệu những dấu ấn về vùng đất Minh Hóa, về cộng đồng cư dân Minh Hóa và những danh tướng, văn thân, sĩ phu yêu nước của Quảng Bình hưởng ứng dụ Cần Vương đứng lên khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp, triều đình bù nhìn tay sai phong kiến.

## **Khái quát về phong trào Cần Vương**

Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, giành quyền thống trị đất nước, đến giữa thế kỷ XIX, các triều vua đầu của nhà Nguyễn (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và đầu đời Tự Đức), đã thực thi nhiều chính sách kinh tế - xã hội tiến bộ, tạo sự ổn định cho vương triều và sự an lạc trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh những thành công, cũng đã xuất hiện những chính sách sai lầm, đi ngược với xu thế phát triển của xã hội, từ đó làm hạn chế sự phát triển của đất nước. Đến cuối triều vua Tự Đức, nhà Nguyễn tỏ ra lúng túng, bế tắc trước nguy cơ ngoại xâm, ban hành nhiều chính sách không phù hợp, đẩy đất nước rơi dần vào con đường khủng hoảng trầm trọng. Trong khi đó, nội bộ vua quan nhà Nguyễn tham quyền cố vị, tranh giành vương triều, quan liêu, tham nhũng, đày ải nhân dân lao động khổ sai để xây dựng lăng tẩm, đền chùa...; kinh tế trì trệ, quốc phòng yếu kém, nội bộ triều đình chia bè chia phái...

Sự suy yếu về kinh tế, xã hội và quốc phòng dưới thời nhà Nguyễn đã mở ra cơ hội thuận lợi cho các nước tư bản phương Tây thực hiện âm mưu xâm lược. Nước Pháp từ lâu đã dòm ngó đất nước ta thông qua con đường thâm

nhập bằng truyền giáo và thương mại. Từ đó, tư bản Pháp nuôi tham vọng bành trướng thế lực tư bản, làm chủ thị trường nước ta bằng cách biến nước ta thành thuộc địa để dễ bề chi phối. Đất nước đứng trước nguy cơ mất vào tay thực dân Pháp.

Trong gần 30 năm (từ năm 1858 đến năm 1885), thực dân Pháp đã tổ chức nhiều cuộc tấn công xâm lược nước ta diễn ra ở Đà Nẵng, Nam Kỳ, Bắc Kỳ và kinh đô Huế. Trước sự tấn công của thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1883, triều đình nhà Nguyễn đã ký với Pháp điều ước Harmand, bộc lộ tư tưởng hèn nhát, đầu hàng. Sau đó, để có hiệu lực hơn, ngày 6 tháng 6 năm 1884, thực dân Pháp buộc nhà Nguyễn ký điều ước Patenôtre, thừa nhận quyền thống trị của tư bản Pháp trên đất nước ta. Với hai hàng ước Harmand 1883 và Patenôtre 1884, triều đình nhà Nguyễn không chỉ đánh mất vai trò lãnh đạo đất nước, tổ chức kháng chiến để bảo vệ nền độc lập mà còn công khai đối lập với phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đang nổ ra mạnh mẽ khắp cả nước.

Ngay từ buổi đầu thực dân Pháp tấn công xâm lược nước ta, trong nội bộ triều đình Huế đã xuất hiện sự thiếu đồng thuận về quan điểm và phương thức tổ chức cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc trước chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và các nước tư bản phương Tây. Cùng với quá trình mở rộng xâm lược của thực dân Pháp, những bất đồng trong nội bộ triều đình đã chuyển thành mâu thuẫn gay gắt giữa hai phái chủ chiến và chủ hòa. Từ những bất đồng về quan điểm chính trị, tư tưởng chuyển thành mâu thuẫn đối kháng trong hành động, đó chính là nguồn gốc sâu xa bùng phát cuộc phản kháng của phái “chủ chiến” và sự biến kinh thành Huế ngày 5 tháng 7 năm 1885 đã dẫn đến sự ra đời của phong trào “Cần Vương” kể từ khi Tôn Thất Thuyết nhân danh Hàm Nghi ban hành bản lệnh dụ “Cần Vương” vào ngày 13 tháng 7 năm 1885 tại Tân Sở, Quảng Trị.

Ngay từ khi diễn ra mâu thuẫn gay gắt giữa hai phái chủ chiến và chủ hòa, Tôn Thất Thuyết cùng với Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành là ba Phụ chính đại thần thuộc phe “chủ chiến”, nắm trong tay binh quyền, đã ráo riết chuẩn bị mọi mặt để khi có thời cơ nổi lên quyết chiến với quân giặc. Tôn Thất Thuyết cho thành lập đội quân Phấn Nghĩa và cho điều động quân đội ở các nơi về Huế, bí mật cho xây dựng một hệ thống các sơn phòng ở miền núi các tỉnh. Sau khi Tự Đức qua đời, chỉ trong vòng có 3 tháng, phe chủ chiến đã lần lượt lập và phế bỏ 3 vị vua: Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc, đây là những vị vua bạc nhược, không có tinh thần chống Pháp. Người được phe “chủ chiến” đánh giá có tinh thần chống Pháp, được chọn để đưa lên ngôi chính là Nguyễn Phúc Minh - tên húy là Nguyễn Phúc Ưng Lịch tôn xưng niên hiệu là Hàm Nghi vào tháng 8 năm 1884.

Dựa vào một số quan lại và quân sĩ có tinh thần dân tộc, ngày 5 tháng 7

năm 1885, Tôn Thất Thuyết đem quân đội đánh vào tòa Khâm sứ Pháp và đồn Mang Cá ở Huế nhưng thất bại. Tôn Thất Thuyết quyết định rước vua Hàm Nghi rời kinh thành ra Tân Sở, với mưu đồ cuộc kháng chiến lâu dài. Tại nơi đây, Tôn Thất Thuyết vâng mệnh vua Hàm Nghi viết tờ dụ để Hàm Nghi chính thức hiệu triệu Cần Vương. Dụ Cần Vương ra đời đánh dấu một bước ngoặt mới trong phong trào kháng Pháp của nhân dân ta thế kỷ XIX. Từ đây phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn được tổ chức và lãnh đạo thống nhất trong cả nước dưới danh nghĩa “Cần Vương”.

Sau khi ra Sơn phòng Tân Sở, Quảng Trị, nhận thấy đây không phải là địa bàn có thể đóng quân tính kế lâu dài, vì vậy, vua Hàm Nghi ở Tân Sở khoảng 4 đến 5 ngày, sau đó hạ lệnh bỏ Tân Sở và ra phía Bắc... Cuộc hành trình ra Bắc của vua Hàm Nghi rất gian nan vất vả, một mặt bởi sự lùng sục truy bắt của thực dân Pháp, mặt khác là sự khắc nghiệt của thời tiết và địa hình. Từ Tân Sở, Quảng Trị, đoàn ngự giá đưa vua Hàm Nghi vượt qua Lào để ra thành Sơn phòng Ấu Sơn, Hà Tĩnh. Một lần nữa, trên đất Hà Tĩnh, Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi ban dụ Cần Vương lần thứ hai (20/9/1885); cuối cùng vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã quyết định quay về đứng chân tổ chức chiến đấu, xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài ở vùng đất Minh Hóa, một huyện miền núi ở phía Tây Quảng Bình.

Có lẽ, việc vua Hàm Nghi cùng đoàn triều thần đến với núi rừng Minh Hóa và gắn bó lâu dài suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp lại không nằm trong kế hoạch dự định sau thất bại của binh biến kinh thành. Chính sự ngẫu nhiên này đã tạo ra một dấu ấn lịch sử trong trang sử vẻ vang hào hùng của tỉnh Quảng Bình, bởi, vùng đất Minh Hóa có địa hình hiểm trở thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ kháng chiến; Minh Hóa lại là địa bàn rừng nguyên sinh, xen lẫn trong hệ thống karst là các thung lũng, sông suối, tài nguyên rừng vô cùng phong phú có thể đảm bảo được vấn đề lương thực, thực phẩm cho hoạt động của nghĩa quân; lòng dân Minh Hóa luôn đồng thuận theo vua. Mặt khác, do Minh Hóa nằm cách xa hai trung tâm quân sự mạnh của Pháp và tay sai là Huế và Vinh, cộng với hệ thống giao thông đi lại trắc trở gây khó khăn cho việc vận chuyển quân từ Huế ra, Đồng Hới lên và từ Vinh vào để trấn áp. Thực dân Pháp lại không thông thạo địa hình ở đây và vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nghĩa dân nên rất khó hành quân và thực hiện ý đồ chiến lược của chúng; còn vua Hàm Nghi và triều thần thì dễ ẩn náu, trốn tránh khi địch vây lùng; nghĩa quân Cần Vương thì thuận lợi cho lối đánh du kích, cầm cự và phản công. Vào trong Tân Sở - Quảng Trị thì gần Huế, ra ngoài Ấu Sơn - Hà Tĩnh thì gần Vinh, đều dễ bị Pháp tấn công, nên trong hoàn cảnh lịch sử đó, Minh Hóa đã trở thành điểm đứng chân hợp lý nhất của bộ máy lãnh đạo phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi.

## **Các căn cứ kháng chiến của phong trào Cần Vương trên vùng đất Minh Hóa đã khắc sâu vào lịch sử dân tộc**

Như vậy, sau cuộc hành trình đầy khổ ải, cuối cùng căn cứ địa và bộ máy lãnh đạo phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi dừng chân trên miền rừng núi phía Tây của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình, chủ yếu là tỉnh Quảng Bình. Đây là một vùng đất có vị thế hiểm yếu, núi non hiểm trở. Giữa hai tỉnh có một dãy núi cao bắt đầu trong dải Trường Sơn đi thẳng ra biển. Từ Hà Tĩnh đi vào Quảng Bình chỉ có thể đi bằng con đường thiên lý sát biển hoặc là bằng đường đèo Tân Ấp (tức đèo Bãi Đức). Phía Tây của căn cứ giáp với Lào được ngăn cách bởi dãy núi Trường Sơn. Trên địa bàn rừng núi hiểm trở vẫn có một con đường thiên lý đi qua, được gọi là “thượng đạo”. Con đường này đi qua đèo Tân Ấp là nơi mà sông Ngàn Sâu (chảy về Bến Thủy) và sông Gianh (chảy về Quảng Khê) là hai nguồn sông cách nhau 15 cây số. Căn cứ của vua Hàm Nghi nằm trên thượng lưu của hai con sông này. Ở đây có nhiều khe suối và núi đồi phù hợp cho việc xây dựng căn cứ địa và đánh Pháp theo lối du kích chiến. Thực dân Pháp đã thừa nhận: “Địa thế này được chọn lấy một cách khéo léo, nó liên lạc giữa hai tỉnh, từ hàng mấy thế kỷ nay được nổi danh là đất nhà quan, đất sĩ phu; còn hơn là tỉnh khác, hai tỉnh này sẵn sàng chống lại uy quyền của ta”.

Việc Tôn Thất Thuyết và các triều thần quyết định chọn miền núi phía Tây tỉnh Quảng Bình đặt cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương là một sự lựa chọn sáng suốt, có tầm nhìn chiến lược. Từ địa bàn này nếu tiến thì có thể làm chủ một khu vực rộng lớn và đông dân, có thể liên lạc thuận lợi mà bí mật được với các tỉnh phía Bắc, nơi có nhiều sĩ phu yêu nước và đông đảo nhân dân hưởng ứng phong trào Cần Vương rất mạnh mẽ; Thoái thì có thể dựa vào một vùng núi non hiểm trở sát biên giới Việt Lào, có thể bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Bên cạnh đó, lưu vực sông Gianh là một địa bàn rất thuận lợi để cơ động lực lượng. Từ phía vùng Thanh Thủy trở lên thì lưu vực sông bị chia cắt ra thành nhiều khúc bởi những vùng đồi núi lô nhô thỉnh thoảng bó hẹp đồng bằng. Trên những quả đồi này ta có thể bố trí những trạm gác có thể quan sát được địch từ rất xa, nghĩa quân có thể chủ động trước sự vận động của địch. Địa hình ở đây có núi cao, rừng rậm và gò đồi lẫn lộn, làng mạc nương rẫy, bản làng của đồng bào dân tộc Chứt và Mường, phân bố ven theo chân núi, bờ đồi. Tuy nhiên, theo Nguyễn Quang Trung Tiên, các sách cũ thường chép là người Mường, nhưng thực tế đó là người Nguồn, một nhánh của người Việt (Kinh) ở vùng núi huyện Tuyên Hóa xưa, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 1964, huyện Tuyên Hóa được tách đôi thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa, người Nguồn chủ yếu sinh sống trên địa bàn huyện Minh Hóa. Phía dưới các chân đồi là làng mạc của người Kinh. Cả lưu vực sông Gianh lúc đó có khoảng bốn vạn người, trong đó gồm nhiều thành phần tộc người.

Trên tổng thể vùng đất Minh Hóa như vậy, nhưng trong 3 năm (1885-1888) chống lại sự tấn công của thực dân Pháp, những người đứng đầu Sơn triều Hàm Nghi đã thể hiện trí tuệ và tầm nhìn bao quát để chọn các vùng đất làm căn cứ kháng chiến. Ngay sau khi di chuyển từ Hà Tĩnh vào vùng rừng núi Tuyên Hóa và Minh Hóa của tỉnh Quảng Bình, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng vào vùng Bãi Đức (nay là thôn Tân Đức, xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa). Tháng 11 năm 1885, vua Hàm Nghi từ Bãi Đức sau khi vượt qua xóm Tranh, làng Kim Trinh, tổng Thanh Lạng đến Quy Đạt. Sau ba ngày nghỉ ngơi, đoàn xa giá dời về Cổ Liêm (thuộc tổng Kim Linh xưa, nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa). Tuy nhiên, xét thấy làng Cổ Liêm nằm ở vị thế không thuận lợi cho việc đóng quân bởi quanh làng là các dãy núi đá, nếu quân Pháp tấn công thì sẽ gặp nguy nên rút đến ở xóm Lim thuộc làng Ba Nương (thuộc tổng Cơ Sa xưa, nay thuộc xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa). Sau đó, thực dân Pháp truy quét đến làng Ba Nương, vua Hàm Nghi liền vào trú quân ở sách Cát Đặng trong thung lũng Ma Rai (thuộc tổng Kim Linh xưa, nay thuộc xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa).

Việc lựa chọn đến vùng Ma Rai này bởi đây là nơi rất rộng, lọt thỏm giữa một thung lũng hẹp bốn bên núi rừng cao ngất, là một địa bàn hiểm yếu. Muốn vào được thung lũng này phải qua hai cái đèo: đèo Ông Đùng, hay còn gọi là eo Cà Bời, ở phía Đông (nếu đi theo con đường nay thuộc xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa vào); đèo Lập Cập ở phía Bắc (nếu đi theo con đường này thuộc các xã Hóa Tiến và Hóa Hợp, huyện Minh Hóa vào). Từ thung lũng này muốn rút lui có hai đường: vượt qua núi Pun về phía Tây ra La Vãn đến Khe Ve, hoặc vượt qua dãy Trường Sơn ở phía Nam theo ngã đèo Mụ Giạ (nay thuộc xã Dân Hoá, huyện Minh Hoá) để qua Lào.

Tại đèo Lập Cập hiểm trở này, đội quân nhà vua và đội quân địa phương đã đánh thắng cuộc truy bắt của thực dân Pháp, trong đó hơn một nửa đội quân Pháp bị thương vong, viên chỉ huy đại úy Hugo bị thương đến hai lần do trúng tên. Bị thất trận, Hugo phải thu quân về Bãi Đức, hợp với cánh quân đang đồn trú tại đó kéo toàn bộ trở lại Vinh vào ngày 28 tháng 12 năm 1885. Đến ngày 3 tháng 1 năm 1886, Hugo chết vì tên tầm độc đã phát tác.

Sau chiến thắng Lập Cập, nhận thấy địa thế vùng Ma Rai đất rộng, rừng núi hoang vu, dân cư thưa thớt nhưng lại quá nghèo, nên giặc bao vây chặn mất đường eo Lập Cập thì khó liên hệ được bên ngoài để mở rộng địa bàn hoạt động và tập hợp lực lượng chống Pháp; Mặt khác, địa bàn này đã bị quân Pháp phát hiện, có thể luôn sâu tập kích bất ngờ nên quyết định chọn địa điểm mới để xây dựng căn cứ phòng thủ vững chắc và ổn định hơn. Sau 3 tháng trú đóng, đầu năm 1886, vua Hàm Nghi và Sơn triều rút khỏi thung lũng Ma Rai đi về hướng Tây qua núi Pun, theo đường La Vãn về Tân Yên, sau đó chuyển lên Tà Bảo, rồi Khe Ve (Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng xưa, nay thuộc xã Hóa Thanh,

huyện Minh Hóa). Tại đây, để phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Pháp, vua Hàm Nghi lập căn cứ ở cửa Khe, đắp lũy cao hai thước tạo thành đồn chiến đấu. Đây là căn cứ nằm bên bờ sông Nan - một nhánh quan trọng thuộc thượng nguồn sông Gianh. Trên địa bàn Khe Ve có rất nhiều hang động, nhờ đó vua Hàm Nghi gặp thuận lợi hơn trong việc đóng quân và cất giấu lương thực. Muốn đến vùng Khe Ve, phải qua hai dãy núi đá Ma Rai và Lập Cập rất hiểm trở. Cũng tại căn cứ này, đầu năm 1886, đội quân vua Hàm Nghi đã đánh bại cuộc hành quân của thực dân Pháp do trung úy Camus chỉ huy.

Có thể nói, nhờ sự tài tình, sáng suốt, khoa học mang tầm chiến lược trong việc chọn lựa các vùng đất ở Minh Hóa để lập căn cứ kháng chiến, đồng thời được sự đoàn kết đồng sức đồng lòng của tướng sĩ, văn thân, sĩ phu yêu nước, sự giúp đỡ của nhân dân địa phương mà nghĩa quân Cần Vương đã lập nên những chiến công hiển hách, đập tan các cuộc truy bắt của thực dân Pháp. Tiêu biểu như chiến thắng tại đèo Lập Cập năm 1885 và tại cửa Khe năm 1886.

Nhận hai lần thất bại tại đèo Lập Cập và cửa Khe, thực dân Pháp quyết tâm truy bắt bằng được vua Hàm Nghi, đề dập tắt phong trào Cần Vương thông qua các cuộc hành quân quy mô nhưng đều không đạt kết quả và phải rút lui quân vào tháng 3 năm 1886.

Từ sau những chiến thắng đó, Sơn triều do vua Hàm Nghi đứng đầu ở Minh Hóa đã đúc rút ra những kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch hoạt động để điều hành cuộc kháng chiến trên cả nước có hiệu quả hơn. Đối với tỉnh Quảng Bình, Sơn triều Hàm Nghi củng cố tổ chức, mở rộng địa bàn kháng chiến ra toàn tỉnh, trong đó các nghĩa quân Cần Vương dưới sự lãnh đạo của những tướng sĩ, sĩ phu yêu nước đã lập nhiều căn cứ, tổ chức tập kích và đánh bại một số cuộc hành quân càn quét của thực dân Pháp, gây cho chúng nhiều tổn thất. Đồng thời tổ chức nhiều trận đánh các cơ sở đồn trú của Pháp, buộc chúng phải rút khỏi phần lớn các vị trí quan trọng ở lưu vực hai con sông Ngân Sâu và sông Gianh. Nhiều nghĩa quân đã tổ chức đánh xuống vùng đồng bằng như đánh đồn Quảng Khê, Roòn, chợ Đồn và thành Đồng Hới.

Đối với trên toàn quốc, vua Hàm Nghi và bộ tham mưu chỉ đạo hoạt động chống Pháp thông qua việc phong chức cho các thủ lĩnh và phân công địa bàn phụ trách, như: Nguyễn Quang Bích nhận hàm Lễ bộ Thượng thư phụ trách vùng Tây Bắc (Bắc Kỳ); Nguyễn Thiện Thuật nhận hàm Bô chính Hải Hưng, sau thăng làm Hiệp thống Bắc Kỳ Quân vụ đại thần, lãnh đạo phong trào chống Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ...; Công việc tại Sơn triều, sau khi Tôn Thất Thuyết lên đường ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện, Tôn Thất Đàm được giữ chức Khâm sai Chương lý Quân vụ đại thần, chịu trách nhiệm trực tiếp ban phát mệnh lệnh của vua Hàm Nghi cho các tướng sĩ khắp cả nước, đồng thời phụ trách việc điều động binh đội từ các tỉnh Hà Tĩnh - Quảng Bình trở vào các tỉnh trong Nam. Việc điều động các toán quân từ Nghệ An trở ra các tỉnh ngoài Bắc

được giao phó cho Trần Xuân Soạn.

Như vậy, từ cuối năm 1886, phong trào đấu tranh chống Pháp dưới danh nghĩa Cần Vương trên địa bàn Quảng Bình bước sang một giai đoạn mới, quy mô phong trào không còn đóng khung trong địa bàn huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa mà mở rộng ra khắp toàn tỉnh và cả nước.

### **Vai trò của cộng đồng cư dân Minh Hóa trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình**

Dân số huyện Minh Hóa đến những năm cuối thế kỷ XIX có khoảng 1.348 người, chủ yếu sinh sống rải rác trong các xã, thôn, sách của 2 nguồn Cơ Sa và Kim Linh. Một bộ phận dân tộc thiểu số nói ngôn ngữ Việt - Mường thuộc nhóm người Chứt, Bru - Vân Kiều sống ở vùng núi cao gồm khoảng hơn 300 người. Cư dân Minh Hóa sinh sống bằng nghề nông, ngoài ra, do đất nông nghiệp không nhiều nên người dân thường vào rừng khai thác lâm thổ sản, đốt than, lấy mật ong, sáp ong,... Mặc dù gồm nhiều thành phần tộc người và sống trong sự cai trị hà khắc của chính quyền thực dân, tay sai nhưng cộng đồng cư dân Minh Hóa luôn có truyền thống đoàn kết, gắn bó, thương yêu đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi có hoạn nạn, biến động xảy ra. Ngay từ những ngày đầu đặt chân đến vùng đất Tuyên Hóa (tháng 10 năm 1885), sau đó chọn địa bàn Minh Hóa làm kinh đô kháng chiến và trong khoảng thời gian 3 năm (1885-1888), Sơn triều Hàm Nghi đã được cộng đồng cư dân Minh Hóa luôn sát cánh bên vua và các tướng lĩnh, cùng đội quân hộ giá thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và tiếp tế lương thực, trở thành tai mắt của nghĩa quân; ngoài ra còn hăng hái gia nhập nghĩa quân của các thủ lĩnh trong phong trào Cần Vương, chiến đấu dưới ngọn cờ Cần Vương trên địa bàn Minh Hóa và các vùng lân cận... góp phần quan trọng vào thành quả đạt được trong phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình nói riêng và của cả nước nói chung.

Trong cuộc hành trình đóng quân trên các vùng đất Minh Hóa kể từ khi vua Hàm Nghi cùng đoàn hộ giá từ Hà Tĩnh đến Bãi Đức (Tuyên Hóa); sau đó là xóm Tranh, làng Kim Trinh; Quy Đạt; làng Cổ Liêm; xóm Lim, làng Ba Nương; sách Cát Đặng trong thung lũng Ma Rai; Tà Bảo, Khe Ve... bằng tấm lòng trung nghĩa, nồng hậu, chất phác, cộng đồng cư dân Minh Hóa đã nồng nhiệt đón tiếp vị vua (mà nhân dân gọi vị vua chính nghĩa) Hàm Nghi cùng đội quân hộ giá về cư trú tại nhà mình. Trong thời gian cư trú tại các địa điểm trên, cư dân Minh Hóa ngoài việc chăm lo ăn uống, họ còn tổ chức lực lượng canh gác, bảo vệ nhà vua. Tại làng Ba Nương, đồng bào Nguồn trong làng và các vùng lân cận đã rào khu vực vua ở thành nhiều lớp, làm thành bức rào kiên cố, bảo vệ nhà vua cùng quan quân triều đình. Ngoài ra, họ còn phối hợp với quân đội nhà vua dò thám tin tức các hoạt động của bọn thực dân Pháp để cung cấp cho triều đình kháng chiến có phương án đối phó. Trong đó, đã cung cấp tin cho vua Hàm Nghi và nghĩa quân về việc quân Pháp từ Bãi Đức chiếm đóng

xóm Trành (làng Kiên Trinh, thuộc tổng Thanh Lạng) và đang trên đường kéo vào Ba Nương. Trên cơ sở đó, nhà vua cùng quan quân triều đình di chuyển vào căn cứ Ma Rai. Chính sự nhiệt tình và tấm lòng trung quân ái quốc của người dân Minh Hóa được vua Hàm Nghi đánh giá cao qua việc nhận Ngọc - một thủ lĩnh người Mường vào đoàn tùy tùng hộ giá và phong cho Ngọc làm Hiệp quản; phong cho ông Đinh Văn Xán làm Bang tá, lập văn phòng tiếp nhận chỉ dụ của nhà vua gửi đi các nơi trong nước, đồng thời tiếp nhận biểu tấu các nơi gửi đến tấu trình lên vua Hàm Nghi...

Chiến thắng oanh liệt tại eo Lập Cập đã thể hiện sự phối hợp hiệp đồng giữa đội quân nhà vua và đội quân của cư dân bản địa, chủ yếu là người Mường (Nguồn). Trong trận đánh này, đội quân của đại úy Hugo đã bị đội quân của Trương Quang Ngọc phục kích đánh chặn bằng mưa đá, gỗ, tên tẩm thuốc độc, kết quả là quá nửa quân Pháp chết và bị thương, đại úy Hugo bị trúng tên độc về đến Vinh thì chết. Chiến thắng trên là chiến thắng đầu tay của đồng bào các dân tộc thiểu số trong những ngày đầu tham gia chiến đấu trong đội nghĩa quân của Hàm Nghi trên mảnh đất Minh Hóa, qua đó đã bảo vệ sự an toàn nhà vua và bộ máy Sơn triều đến căn cứ mới để tiếp tục lãnh đạo phong trào kháng chiến.

Tại căn cứ Ma Rai, được sự hỗ trợ của đồng bào Sách cùng với các đạo quân người Nguồn, người Mường, Sơn triều Hàm Nghi tiếp tục di chuyển trong một địa bàn rộng lớn trong hơn 3 tháng trời khiến cho địch không thể nào xác định được vị trí để tổ chức truy kích.

Rời Ma Rai về Khe Ve lập căn cứ kháng chiến ở cửa Khe, ngoài sự tích cực hưởng ứng tham gia nghĩa quân, cộng đồng cư dân ở đây tuy nghèo khổ nhưng vẫn mang lương thực đến ủng hộ khá nhiều. Có lúc thấy lương thảo của dân mang đến ủng hộ nhiều quá, trong khi dân trong vùng này rất nghèo, thường xuyên thiếu đói nên vua Hàm Nghi sai người đem tiền trả lại cho đồng bào. Cũng chính tại căn cứ này, đồng bào đã phối hợp, hỗ trợ cho quân Cần Vương đánh lui các cuộc tiến quân của thực dân Pháp truy bắt Hàm Nghi trong năm 1886. Tiêu biểu là cuộc đánh trả quyết liệt diễn ra tại Khe Ve vào ngày 17 tháng 1 năm 1886. Phát huy lối đánh phục kích, các đội quân của đồng bào tiếp tục mai phục đánh úp đạo binh của thực dân Pháp khi chúng cố vượt qua Khe Ve khiến tên đại úy Camus cùng 3 lính Pháp tử trận tại chỗ, 8 lính Pháp khác bị thương, cuộc hành binh bị bẻ gãy hoàn toàn. Freystatter vội vàng đem tàn quân chạy về Bãi Đức, từ đó rút về Vinh vào ngày 21 tháng 1 năm 1886.

Ngoài bản lĩnh kiên cường, bất khuất, cộng đồng cư dân Minh Hóa còn thể hiện lòng tuyệt đối trung thành với vua, cho dù trước sự bắt bớ, khủng bố ráo riết của thực dân Pháp. Tháng 3 năm 1886, quân Pháp lấy Khe Ve làm căn cứ dã chiến, bắt một thổ dân dẫn đường, đưa nhiều toán quân lên vùng cao cách xa Khe Mới của Rào Nậy để đột kích các căn cứ của nghĩa quân ở đây. Người dẫn đường bất hợp tác, khôn khéo dẫn quân Pháp đi vào những chỗ khó khăn, hiểm



trở, lại vấp phải nhiều chướng ngại do nghĩa quân “Cần Vương” dựng nên trong khu vực căn cứ nên quân Pháp không tiến lên được”. 10 ngày sau đó, quân Pháp truy lùng dấu vết vua Hàm Nghi khắp khu vực núi non hiểm trở nhưng không có kết quả, đành bỏ cuộc rút quân về Đồng Hới.

Bên cạnh lực lượng trực tiếp hỗ trợ, chiến đấu bảo vệ nhà vua, cộng đồng cư dân Minh Hóa còn hăng hái gia nhập nghĩa quân của các thủ lĩnh trong phong trào Cần Vương, chiến đấu dưới ngọn cờ Cần Vương trên địa bàn Minh Hóa và các vùng lân cận như nghĩa quân Nguyễn Phạm Tuấn, Lê Trực, Mai Lượng...

Trải qua những tháng ngày gian khổ bên vua Hàm Nghi và các lực lượng kháng chiến dưới ngọn cờ Cần Vương, đồng bào Minh Hóa càng được thử thách, tôi luyện thêm lòng trung quân, ái quốc, sự thủy chung, son sắt của những người con miền sơn cước. Đồng bào bày tỏ thái độ yêu ghét rạch ròi, sẵn sàng trừng trị những kẻ bất nhân, bất nghĩa, phản bội vua Hàm Nghi và phong trào Cần Vương. Đó là trường hợp với tên phản bội Trương Quang Ngọc, người cận vệ của vua Hàm Nghi trong thời gian đầu. Sau khi bắt vua Hàm Nghi giao cho thực dân Pháp, Trương Quang Ngọc được bọn thực dân trọng thưởng làm chức Lãnh binh. Tuy nhiên, khi Ngọc đến nhận chức nơi nào cũng bị các quan, dân khinh bỉ, không thèm giao thiệp với tên phản vua, hại nước. Không thể chịu đựng được sự nhục nhã, Ngọc phải xin bỏ về đóng ở đồn Thanh Lạng, ngay tại quê nhà. Rồi "hậu quả cho kẻ phản vua" đã đến khi nghĩa quân Phan Đình Phùng mở rộng địa bàn hoạt động vào đất Quảng Bình, đồng bào Minh Hóa đã tích cực hỗ trợ cho cuộc tấn công do Lãnh Khải chỉ huy đánh chiếm đồn Khe Ve, bắn chết tên đồn trưởng Trương Quang Ngọc, cắt đầu y mang lên Khe Heng (nơi Hàm Nghi ở trước lúc bị bắt) để tế vua.

Chính những phẩm chất trung quân, ái quốc, hy sinh vì nghĩa lớn của đồng bào Minh Hóa đã có những tác động sâu sắc đến nhận thức và tư tưởng của vua trẻ Hàm Nghi, tạo động lực cho nhà vua không nản lòng mà còn quyết tâm cùng bộ máy Sơn triều và đồng bào dân thân vào cuộc chiến, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cho đến khi bị bắt.

Theo lẽ thường, sau khi người đứng đầu phong trào Cần Vương bị bắt thì phong trào kháng chiến sẽ suy yếu và lụi tàn, nhưng phong trào Cần Vương ở Minh Hóa nói riêng và Quảng Bình nói chung tuy có những ảnh hưởng nhất định song vẫn duy trì và phát triển. Đặc biệt, đối với cộng đồng cư dân Minh Hóa, nhất là các dân tộc thiểu số người Nguồn, Mường, Sách, Mày, Khùa... trải qua chặng đường chiến đấu anh dũng kiên cường ấy đã tạo thêm sự cố kết và gắn bó lẫn nhau, cùng sát cánh bên người Kinh tiếp tục cuộc đấu tranh và phát triển phong trào Cần Vương trên địa bàn Minh Hóa vào thập niên cuối của thế kỷ XIX.

## **Vai trò và những đóng góp của văn thân, sĩ phu, tướng sĩ và nhân dân Quảng Bình hưởng ứng Cần Vương chống Pháp, bảo vệ Sơn triều, bảo vệ vua Hàm Nghi trên vùng đất Minh Hóa và Tuyên Hóa**

Sau khi dụ Cần Vương tại Tân Sở - Quảng Trị được ban đã trở thành lời hiệu triệu tập hợp toàn thể nhân dân trong cả nước đứng lên dưới một ngọn cờ "bảo vệ và giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc". Lần đầu tiên một lực lượng có tinh thần dân tộc, yêu nước trong triều đình nhà Nguyễn chính thức phát động, hô hào nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc, có một danh nghĩa chính thức trên quy mô toàn quốc. Có thể thấy phong trào Cần Vương diễn ra sâu rộng trên phạm vi cả nước và được nhân dân cả nước hưởng ứng tích cực, nhưng đối với Quảng Bình thì mang đặc trưng riêng rất đặc biệt, bởi vùng đất này có nhiệm vụ lớn lao, quan trọng là địa bàn đầu não, nơi đặt bộ chỉ huy trung tâm của phong trào Cần Vương. Do vậy, Quảng Bình là nơi hưởng dụ Cần Vương diễn ra sâu rộng nhất với nhiều lãnh tụ dựng cờ khởi nghĩa, nhiều phong trào chống Pháp, ủng hộ và bảo vệ Sơn triều diễn ra trong phạm vi toàn tỉnh. Cơ quan đầu não cuộc kháng chiến của vua Hàm Nghi tại Minh Hóa được trụ vững, tồn tại và lãnh đạo công cuộc Cần Vương luôn gắn liền với những vị tướng chốt giữ các hướng ở vòng ngoài Sơn triều như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Lê Mô Khởi,...

Địa bàn "Cần Vương" kháng Pháp ở Quảng Bình không chỉ ở miền Tây Quảng Bình, nơi vua Hàm Nghi và Sơn triều chọn làm nơi đứng chân, mà hầu như diễn ra trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó hình thành 2 khu vực: khu vực phía Bắc bao gồm Minh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Trạch vừa có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ "Sơn triều" Hàm Nghi, ngọn cờ của phong trào Cần Vương trong cả nước, vừa có nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng "Cần Vương" ở phía Bắc (đặc biệt là khởi nghĩa của Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh) để đánh địch, gây cho chúng nhiều tổn thất, cô lập lực lượng của chúng tại bờ Bắc sông Gianh. Địa bàn phía Nam gồm các địa phương Đồng Hới, Quảng Ninh, Lệ Thủy, dựa vào rừng núi hiểm trở, xây dựng căn cứ và mở rộng vùng ảnh hưởng xuống đồng bằng. Lực lượng tại đây đã đánh thọc sâu vào cơ quan đầu não của Pháp ở tỉnh lỵ Đồng Hới, huyện lỵ Lệ Thủy, phối hợp với nhân dân Quảng Trị mở rộng vùng hoạt động ra địa bàn dọc đường thiên lý, cô lập chúng với triều đình ở Huế.

Những tháng ngày đầu đứng chân trên vùng đất Minh Hóa, Sơn triều Hàm Nghi được sự hỗ trợ trực tiếp về quân sự của lực lượng nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân, người được vua Hàm Nghi phong làm Hồng Lô tự khanh sung Tán tương Quân vụ quân thứ Quảng Bình. Sau khi Tôn Thất Thuyết ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện đầu năm 1886, Nguyễn Phạm Tuân được thăng chức Thượng tướng quân, là người phò tá đắc lực bên cạnh Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, trực tiếp tham gia chỉ huy nhiều trận đánh quan trọng, lập nhiều chiến công lớn, làm cho quân Pháp nhiều phen thất bại cay đắng, đồng thời bảo

vệ vua Hàm Nghi và Sơn triều trong thời gian từ năm 1885-1888. Đặc biệt, tại trận Khe Ve ngày 17/1/1886, nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân đã bắn chết viên quan hai Cannus, viên quan ba Hugot cũng bị bắn trọng thương về đến Vinh (Nghệ An) thì chết. Thực dân Pháp đã phải thừa nhận ông là linh hồn của cuộc kháng chiến.

Trong quá trình lãnh đạo nghĩa quân, Nguyễn Phạm Tuân còn phối hợp với nghĩa quân của Lê Trực tiến hành kháng Pháp và thu được nhiều thắng lợi đáng kể. Nguyễn Phạm Tuân thực sự là một lãnh tụ nổi tiếng và có nhiều đóng góp trong phong trào Cần Vương. Điều đó không chỉ được nhân dân và triều đình kháng chiến Hàm Nghi biết đến mà ngay cả triều đình Đồng Khánh cũng đánh giá rất cao vai trò của Nguyễn Phạm Tuân đối với phong trào Cần Vương và tìm cách phủ dụ ông và nghĩa quân về với triều đình, nhưng với khí phách bất khuất anh hùng, trung quân ái quốc... không chịu đầu hàng kẻ thù xâm lược và triều đình tay sai, ông đã uống thuốc độc tự vẫn vào ngày 10/4/1887.

Cùng với nghĩa quân của Thượng tướng Nguyễn Phạm Tuân, trong cuộc kháng chiến bảo vệ vua Hàm Nghi và Sơn triều ở hướng Đông Bắc Minh Hóa không thể không nhắc đến Đề đốc Lê Trực, vị thủ lĩnh kiên cường cầm đầu một cánh quân làm cho Pháp bao phen kinh hoàng bạt vía, chịu nhiều tổn thất khi tấn công lên Minh Hóa để vây bắt vua Hàm Nghi.

Nghĩa quân Lê Trực làm chủ cả một vùng rộng lớn gồm một phần của huyện Tuyên Hóa và vùng Bắc Quảng Trạch. Dưới sự chỉ huy của Lê Trực, nghĩa quân đã đánh nhiều trận lớn gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất, tiêu biểu là các trận Đồng Vại, Hương Phương, các trận bao vây công đồn Minh Cầm, Quảng Khê, chợ Đồn, Ròn, Mỹ Hòa, Đan Xá... Có những trận, Lê Trực chỉ huy nghĩa quân đánh thọc sâu vào tận phủ lỵ Đồng Hới. Sau khi Nguyễn Phạm Tuân hy sinh, phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn, nhưng ông đã cùng Tôn Thất Đàm gây dựng và củng cố lại lực lượng, tổ chức nghĩa quân đánh bại nhiều đợt tấn công của kẻ thù vào “kinh đô kháng chiến”. Những chiến thắng của nghĩa quân đã làm cho uy danh và thanh thế của đội quân Lê Trực vang khắp miền Trung và cả nước, ngay chính quyền Pháp cũng hoang mang lo sợ và nhiều lần điều động các đội quân có trang bị vũ khí hiện đại đến càn quét, tiêu diệt nhưng đều thất bại.

Sử dụng hoạt động quân sự nhằm đánh tan nghĩa quân Lê Trực không có kết quả, thực dân Pháp tìm cách dụ dỗ Lê Trực ra hàng nhưng ông cũng giống như Nguyễn Phạm Tuân đều không khuất phục. Nhiều lần ông viết thư cho tên đại úy Mouteaux rằng: “...Tâm lòng trung thành của tôi đối với vua (vua Hàm Nghi) buộc tôi dù phải khi ản khi hiện cũng không khi nào tôi chịu ra đầu hàng người Pháp và vua Đồng Khánh”...

Ở phía hữu ngạn sông Gianh, đội nghĩa quân “Cần Vương” dưới sự chỉ

huy của Lãnh binh Mai Lượng đã xây dựng căn cứ Cao Mại ở xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa và mở rộng địa bàn hoạt động rộng khắp từ vùng núi đến đồng bằng hữu ngạn sông Gianh, nhằm bảo vệ sườn phía Nam Sơn triều Hàm Nghi.

Trên địa bàn rừng núi thượng nguồn sông Gianh, nghĩa quân Mai Lượng thường tổ chức các trận tập kích, phục kích, bắt cóc các liên lạc viên của giặc và tiêu diệt những toán giặc từ mạn phía Nam huyện Tuyên Hóa đột kích lên căn cứ của triều đình bảo vệ sự an toàn cho vua Hàm Nghi. Trong quá trình khởi nghĩa, Mai Lượng chủ trương thường xuyên phối hợp với các thủ lĩnh nghĩa quân khác để việc chiến đấu có hiệu quả hơn như phối hợp với Đề đốc Lê Trực, với Đoàn Đức Mậu, ông Tham La Hà.

Hoạt động của nghĩa quân Quảng Bình nói chung và nghĩa quân Mai Lượng nói riêng trên địa bàn rừng núi đã đẩy quân Pháp vào thế lúng túng bị động, quyền kiểm soát khu vực này lọt dần vào tay nghĩa quân. Chính thực dân Pháp cũng thừa nhận rằng: “Từ mùa xuân (của năm 1886), vùng thượng lưu giữa sông Nan và sông Gianh không đối phó được, các làng đặt dưới quyền kiểm soát của quân phiến loạn” (chỉ nghĩa quân).

Có thể nói, những hoạt động kháng Pháp và triều đình tay sai của văn thân, sĩ phu, tướng sĩ và nhân dân Quảng Bình trên khắp toàn tỉnh đã làm cho thực dân Pháp phải phân tán lực lượng ra đối phó, do vậy khiến cục diện trên chiến trường Quảng Bình thay đổi có lợi cho triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Trước tình thế đó, thực dân Pháp quyết tâm tăng cường lực lượng tiêu diệt những người khởi nghĩa để nhanh chóng bình định được vùng đất Quảng Bình, bắt sống vua Hàm Nghi nhằm dập tắt luôn phong trào Cần Vương trong cả nước. Do vậy, từ năm 1887-1888, thực dân Pháp đã điều động quân lớn, tổ chức nhiều cuộc tấn công vào các căn cứ kháng chiến của các nghĩa quân. Từ đó trở đi, các cuộc khởi nghĩa ở Quảng Bình dần dần bị cô lập và dẫn đến thất bại.

Cho dù các cuộc dậy binh khởi nghĩa của các văn thân, sĩ phu, tướng sĩ và nhân dân Quảng Bình hưởng ứng dụ Cần Vương chống Pháp, bảo vệ Sơn triều, bảo vệ vua Hàm Nghi trên vùng đất Minh Hóa, Tuyên Hóa và ở một số địa phương trong tỉnh đều thất bại, nhưng công lao và những đóng góp của họ là rất lớn. Họ đã chiến đấu đến giọt máu cuối cùng hoặc tận tiết, không chịu đầu hàng giặc. Một Thượng tướng Nguyễn Phạm Tuân chiến đấu anh dũng bảo vệ sơn triều Hàm Nghi, khi bị giặc bắt không chịu đầu hàng đã tự vẫn giữ trọn lời thề “Lịch thế quốc ân thường nhất tử” (Ôn nước ba đời đều một chết); Một Lãnh binh Mai Lượng kiên cường, khi cuộc chiến đấu đi vào giai đoạn gay go quyết liệt, nhiều lãnh tụ nghĩa quân bị giặc bắt vẫn không hề nao núng, đưa nghĩa binh lui vào rừng sâu tiếp tục chiến đấu; Một Đề đốc Lê Trực bất khuất trong tình thế bắt buộc lui về quê nhưng vẫn không chịu phản dân, hại nước,

trung thành với Hàm Nghi, khí khái ngang tàng làm cho kẻ thù nể phục; Cùng nhiều văn thân, sĩ phu, nhiều nghĩa dũng khác vì ý chí yêu nước, vì độc lập dân tộc cùng với nghĩa quân đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Là vùng đất ngẫu nhiên nhưng lại mang tính tất yếu của lịch sử, được vua Hàm Nghi chọn làm “Kinh đô kháng chiến” để lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp, từ trong những năm tháng của cuộc kháng chiến đó, những tên đất, tên người Minh Hóa và Quảng Bình đã để lại những dấu ấn đậm nét trong trang sử vàng chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Hơn một thế kỷ trôi qua nhưng nhân dân Quảng Bình, nhân dân Minh Hóa luôn tự hào về sự hy sinh, cống hiến, đóng góp của mình để bảo vệ vua Hàm Nghi, bảo vệ bộ máy lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp với quyết tâm giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc. Đó chính là nguồn sức mạnh, là gạch nối để ngọn lửa yêu nước ngày một lớn mạnh trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc dựng xây quê hương, đất nước hiện nay.